TRƯỜNG THPT QUẾ SƠN
TỔ: SỬ- ĐỊA- GDKT&PL

ĐỀ CHÍNH THỨC

(*Đề gồm có 03 trang*)

KIỂM TRA CUỐI KỲ II- NĂM HỌC 2024 -2025
Môn: Địa lí – Lớp 11
Thời gian làm bài: 45 phút
(*Không kể thời gian giao đề*)

MÃ ĐỀ 704

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm)

Câu 1. Đặc điểm tự nhiên của miền Tây Trung Quốc là có
A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.
B. các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
C. kiểu khí hậu cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.
D. nhiều tài nguyên khoáng sản kim loại màu nổi tiếng.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Liên bang Nga?
A. Nằm ở châu lục Á, Âu.
B. Nằm ở bán cầu Bắc.
C. Giáp với Thái Bình Dương.
D. Giáp với Đại Tây Dương

Câu 3. Đất nước Nhật Bản có
A. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
B. đường bờ biển dài, có ít vũng vịnh.
C. ít vũng vịnh, nhiều dòng biển nóng.
D. nhiều dòng biển nóng, nhiều đảo.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của Nhật Bản?
A. Lượng mưa tương đối cao.
B. Thay đổi từ bắc xuống nam.
C. Có sự khác nhau theo mùa.
D. Chủ yếu là khí hậu nhiệt đới.

Câu 5. Dân cư Nhật Bản phân bố tập trung ở
A. đồng bằng ven biển.
B. các vùng núi ở giữa.
C. dọc các dòng sông.
D. ở các sườn núi thấp.

Câu 6. Đặc điểm tự nhiên của phần phía Đông nước Nga là
A. phần lớn núi và cao nguyên.
B. có đồng bằng và vùng trũng.
C. có dãy U-ran giàu khoáng sản.
D. có nhiều đồi thấp và đầm lầy.

Câu 7. Nguyên nhân nào sau đây quan trọng nhất làm cho vùng phía Bắc Liên bang Nga dân cư thưa thớt?
A. Khí hậu lạnh giá.
B. Đất đai kém màu mỡ.
C. Địa hình chủ yếu là núi cao.
D. Giao thông kém phát triển.

Câu 8. Dân cư Trung Quốc phân bố tập trung chủ yếu ở các
A. đồng bằng châu thổ ở miền Đông.
B. sơn nguyên, bồn địa ở miền Tây.
C. khu vực biên giới phía bắc.
D. khu vực ven biển ở phía nam.

Câu 9. Việc phân bố dân cư khác nhau giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc đã gây ra khó khăn chủ yếu nhất về
A. sử dụng hợp lí tài nguyên và lao động.
B. nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.
C. việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.
D. phòng chống các thiên tai hàng năm.

Câu 10. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng là
A. kĩ thuật hiện đại.
B. lao động dồi dào.
C. khoáng sản phong phú.
D. nhu cầu rất lớn.

Câu 11. Ở Liên bang Nga, đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia và khu vực ven bờ Thái Bình Dương là nơi

A. tập trung các trung tâm công nghiệp. **B**. dân cư thưa thớt, công nghiệp kém phát triển.

C. đặt các nhà máy nhiệt điện, thuỷ điện. **D**. tập trung ngành công nghiệp khai thác than.

Câu 12. Điểm tương đồng giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc là

A. có nhiều khoáng sản. **B.** đất đai màu mỡ.

C. địa hình bằng phẳng. **D.** sông ngòi ít dốc.

II. Trắc nghiệm đúng/ Sai (2 điểm)

Câu 1. Cho thông tin sau:

Trung Quốc chú trọng phát triển nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của hơn 1,4 tỷ dân trong nước và hướng ra xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp cung cấp nguyên liệu có giá trị cho các ngành công nghiệp chế biến, đã góp phần tăng nguồn thu ngoại tệ cho Trung Quốc. Năm 2020, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy đóng góp 7,7% GDP. Giải quyết việc làm cho 22% lao động của đất nước.

a) Trung quốc có thế mạnh phát triển nông nghiệp nhờ quĩ đất nông nghiệp lớn.

b) Nông nghiệp có vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Trung Quốc.

c) Nông nghiệp mang lại nguồn thu ngoại tệ rất lớn cho đất nước Trung Quốc.

d) Công nghiệp chế biến Trung Quốc có thế mạnh phát triển nhờ nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú, đa dạng.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng 70%) và thu hút khoảng 72% lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020). Các ngành dịch vụ có vai trò quan trọng của Nhật Bản là thương mại, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng và du lịch.

a) Nhật Bản có ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới.

b) Tỉ trọng lao động của Nhật Bản tập trung chủ yếu trong ngành dịch vụ.

c) Với vị trí đứng thứ 4 thế giới về xuất khẩu và thứ 5 về nhập khẩu, chứng tỏ hoạt động ngoại thương của Nhật Bản phát triển chưa mạnh.

d) Do vị trí lãnh thổ là quần đảo nên Nhật Bản cần phải phát triển mạnh giao thông vận tải đường biển.

III.Trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm)

Câu 1. GDP của Nhật Bản năm 2021 là 5035 tỉ USD, dân số của Nhật Bản năm 2021 là 125,7 triệu người *(Nguồn: WB, 2022)*. Tính thu nhập bình quân đầu người của Nhật Bản năm 2021 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của ***nghìn USD/người***).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2024

Diện tích *(triệu km^2)*	**Số dân** *(triệu người)*
9,6	1408,0

Trích nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số của Trung Quốc năm 2024. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ***người/ km^2***).

Câu 3. Cho bảng số liệu

QUI MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	**1978**	**2010**	**2020**
GDP	149, 5	6087, 2	14688, 0

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết GDP của Trung Quốc giai đoạn 2010 – 2020 tăng bao nhiêu lần? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của ***lần***)

Câu 4. Biết tổng số dân của Nhật Bản là 126,2 triệu người, tỉ lệ dân nông thôn là 8,2% (năm 2020). Hãy cho biết số dân nông thôn của Nhật Bản năm 2020 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất ***(triệu người)***

Phần IV: Tự luận (3 điểm)

Cho bảng số liệu: GIÁ TRỊ FDI (Đầu tư trực tiếp nước ngoài) VÀ ODA (hỗ trợ phát triển chính thức) CỦA NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 2000 – 2020. *(Đơn vị: Tỉ USD)*

Năm / Giá trị	2000	2010	2015	2020
FDI	45,3	79,7	138,4	146,1
ODA	13,5	11,1	9,2	13,7

(Nguồn: WB, 2022)

Câu 1. (2 điểm).

Vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị FDI, ODA của Nhật Bản giai đoạn 2000 – 2020

Câu 2. (1 điểm).

Nhận xét giá trị FDI, ODA của Nhật Bản giai đoạn 2000 -2020

HẾT